

Bản án số: 24/2019/DS-ST  
Ngày 14/5/2019  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Công Trung

Ông Nguyễn Phương Tích

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Kim Loan – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 61/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T (5 L), sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã D, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị B1, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện B, tỉnh Bến Tre

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2019, biên bản hòa giải ngày 16/4/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:*

Nguyên lúc trước bà có cho ông Út S vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nhưng bà không nhớ rõ thời gian nào, đến vài tháng nhưng ông S cũng không có trả nợ cho bà nên bà có yêu cầu ông S trả thì ông S nói bà Trần Thị B1 vay tiền của ông và không vay lại được tiền ngân hàng nên chưa trả cho ông nên ông không trả cho bà được. Hơn nữa, lúc đó ông S còn giữ của bà B1 hai cuốn sổ đỏ nên

bà B1 không thể vay được. Từ đó, bà với bà B1 và ông S mới thống nhất bà B1 vay tiền của bà số tiền 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) nên mới lập biên nhận nợ ngày 14/10/2014 và bà cũng giữ hai cuốn sổ đỏ của bà B1 như ông S. Tuy nhiên, sau đó bà đã đưa lại cho bà B1 hai cuốn sổ đỏ để vay tiền ngân hàng trả nợ cho bà nhưng bà B1 vẫn không trả. Từ khi lập biên nhận nợ đến nay thì bà B1 chưa đóng lãi cũng không trả nợ vay cho bà, còn việc bà B1 vay tiền của bà thì lúc đó chồng bà B1 là ông Lại Văn Thắng còn sống hay không thì bà không nhớ nhưng hiện nay bà B1 chỉ sống với các con nên nay bà yêu cầu bà Trần Thị B1 phải trả cho bà số tiền nợ vay 55.000.000đ và tiền lãi 1.2%/tháng từ ngày 14/10/2014 đến ngày 14/01/2019 là 51 tháng với số tiền lãi 33.660.000đ; tổng cộng là 88.660.000đ (tám mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2019, biên bản hòa giải ngày 16/4/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị B1 trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị T về việc bà có vay số tiền 55.000.000đ của ông S trước ngày 14/10/2014 và bà cũng có đóng lãi vay cho ông S. Vì ông S vay tiền của bà Lê Thị T nên bà với ông S và bà T mới thống nhất việc cần tiền vay thành bà vay của bà T, còn ông S không liên quan đến tiền vay với bà T nữa. Do đó, ngày 14/10/2014 mới lập biên nhận nợ vay của bà T số tiền 55.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, do bà ký tên, lúc đó bà T cũng có giữ của bà hai sổ đỏ để làm tin. Sau đó bà mới nói bà T đưa lại hai cuốn sổ đỏ cho bà để bà vay tiền trả nợ vay cho bà T nhưng ngân hàng không cho bà vay nên bà cũng không trả nợ cho bà T được cho đến nay. Bà thừa nhận từ ngày lập biên nhận nợ vay đến nay bà cũng chưa có đóng lãi cho bà T theo thỏa thuận. Bà vay tiền của bà T thì lúc đó chồng bà là ông Lại Văn Thắng đã chết nên đây là khoản nợ riêng của bà với bà T. Nay bà T yêu cầu bà trả số nợ vay 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng), nợ lãi từ ngày 14/10/2014 đến ngày 14/01/2019 là 33.660.000đ (ba mươi Bệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng) thì bà chỉ đồng ý trả nợ gốc 55.000.000đ cho bà T và xin thời hạn trả từ 7 đến 8 tháng. Đối với số tiền lãi 33.660.000đ thì bà xin không trả.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu của bà Lê Thị T về việc yêu cầu bà Trần Thị B1 phải trả cho bà T số tiền nợ vay 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 14/10/2014

đến ngày 14/01/2019 là 51 tháng, theo lãi suất 1.2%/tháng với số tiền lãi 33.660.000đ (ba mươi Bệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng); tổng cộng là 88.660.000đ (tám mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng); Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Thị B1 thừa nhận có vay của bà Lê Thị T số tiền 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng), có lập biên nhận nợ, loại tiền vay không kỳ hạn và hiện nay vẫn chưa trả cho bà T. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ phù hợp với quy định tại các 466, 469 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[2] Đối với số tiền lãi 33.660.000đ (ba mươi Bệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng). Mức lãi suất 1.2%/tháng vẫn còn thấp hơn mức quy định của pháp luật hiện nay nhưng bà T tự nguyện yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1.2%/tháng nên yêu cầu tính lãi của bà T là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Xét việc bà B1 xin trả số tiền 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) cho bà T trong thời hạn từ 7 đến 8 tháng và xin không trả số tiền lãi 33.660.000đ (ba mươi Bệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng) nhưng không được bà T đồng ý và cũng không phù hợp với quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[4] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (88.660.000đ x 5%): 4.433.000đ (bốn triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn đồng). Do yêu cầu của bà Lê Thị T được chấp nhận nên bà Trần Thị B1 có nghĩa vụ nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 466, 469, 468, 688 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T. Buộc bà Trần Thị B1 có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 88.660.000đ (tám mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng); trong đó nợ gốc là 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng), nợ lãi là 33.660.000đ (ba mươi Bệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (88.660.000đ x 5%): 4.433.000đ (bốn triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn đồng), buộc bà Trần Thị B1 phải nộp.

Hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.217.000đ (hai triệu hai trăm mười bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001829 ngày 18/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Chí Vũ**